

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/KDTM-ST  
Ngày: 23-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Văn Tâm

2. Ông Lê Quang Xệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 51/2022/TLST-KDTM ngày 04/7/2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty L.

Địa chỉ: khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Bảo Q, sinh năm 1976; địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022). (có mặt)

**- Bị đơn:** Công ty T.

Địa chỉ: khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị B; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên – Huế, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn trình bày:**

Ngày 11/8/2020, Công ty L (sau đây viết tắt là Công ty L) và Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01 HĐNT/LSBD-GTĐ/2020 (sau đây viết tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty L sẽ cung cấp các mặt hàng gỗ theo đơn đặt hàng của Công ty T. Sau khi ký hợp đồng, Công ty T đã gửi các đơn đặt hàng và Công ty L đã giao hàng cùng hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Công ty T, cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	Ngày đặt hàng	Ngày giao hàng	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Giá trị (bao gồm VAT) (VNĐ)
1	Gỗ keo (tràm) ghép thanh	22/10/2020	29/10/2020	0000176	29/10/2020	196.280.920
2	Gỗ keo (tràm) ghép thanh	23/11/2020	27/11/2020	0000204	27/11/2020	48.696.340
3	Gỗ keo (tràm) ghép thanh	11/01/2021	16/01/2021	0000235	16/01/2021	77.264.550
Tổng cộng						322.241.810

Công ty T chỉ thanh toán được cho Công ty L số tiền 50.280.920 đồng. Tổng số tiền Công ty T còn nợ chưa thanh toán cho Công ty L là 271.960.890 đồng.

Sau khi Công ty T nhận được hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ như nêu trên, cho đến hiện nay đã quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng rất lâu rồi nhưng Công ty T vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty L mặc dù Công ty L đã liên hệ yêu cầu thanh toán rất nhiều lần.

Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty L theo Hợp đồng nguyên tắc số 01 HĐNT/LSBD-GTĐ/2020 ngày 11/8/2020 bị xâm phạm, nay, Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Công ty L vấn đề sau đây: Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty L tiền hàng chưa thanh toán: 271.960.890 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán (10%/năm theo quy định tại Luật Thương mại 2005 và Bộ luật Dân sự 2015) tạm tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 23/5/2022.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty T theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 928/ĐKKD ngày 13/7/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty T đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Trần Thị B. Công ty T chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty T thanh toán cho Công ty L tổng số tiền 308.222.341 đồng, bao gồm tiền hàng là 271.960.890 đồng và tiền lãi chậm

thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/9/2022 là 36.261.451 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty L khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán các sản phẩm gỗ giữa Công ty L và Công ty T. Bị đơn Công ty T có trụ sở tại thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty T đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, ngày 11/8/2020, giữa Công ty L và Công ty T xác lập Hợp đồng nguyên tắc số 01 HĐNT/LSBD-GTĐ/2020. Theo nội dung hợp đồng, Công ty T thỏa thuận mua các mặt hàng theo danh mục ván gỗ keo ghép thanh thuộc Công ty L. Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty L và Công ty T thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã đặt hàng và Công ty L đã cung cấp sản phẩm gỗ keo ghép thanh cho Công ty T và Công ty T đã xác nhận nợ theo các đơn đặt hàng, biên bản giao nhận ngày 29/10/2020, 27/11/2020, 16/01/2021, theo đó Công ty T còn nợ Công ty L số tiền 322.241.810 đồng, quá trình mua bán, Công ty T đã thanh toán số tiền 50.280.920 đồng, còn nợ số tiền 271.960.890 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó,

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 271.960.890 đồng là có cơ sở.

[3.2] Tiền lãi chậm trả: Công ty L yêu cầu Công ty T thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 01/9/2022 với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền 36.261.451 đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 23/9/2022) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,8%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP An Bình 13,65%/năm, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm). Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng số tiền Công ty T phải thanh toán cho Công ty L là 308.222.341 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 308.222.341 đồng, tương đương số tiền án phí: 15.411.117 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L đối với bị đơn Công ty T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty L tổng số tiền 308.222.341 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 271.960.890 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 36.261.451 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải nộp số tiền 15.411.117 đồng. Hoàn trả cho Công ty L số tiền 6.799.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005990 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**